TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang là thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 971/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, Thông báo dời lịch ngày 20/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Văn Thị Mỹ Ph**, sinh năm 1993.
Địa chỉ: C4/413, chung cư An Bình, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Anh **Đặng Vĩnh L**, sinh năm 1976.
Địa chỉ: C4/413, chung cư An Bình, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Anh L, chị Ph có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2018, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Văn Thị Mỹ Ph trình bày:

Chị và anh L quen biết, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác, nhiều lần chị đã góp ý và khuyên nhủ anh L nhưng không được, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh L

đã sống ly thân nhau khoảng hơn 01 năm cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng Xuân D, sinh ngày 09/11/2016, hiện nay cháu D ban ngày thì sống cùng bà nội, hết giờ làm hành chính thì chị đón cháu ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 21/9/2018 và tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Vĩnh L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình như chị Ph trình bày là đúng, quan hệ hôn nhân nhân giữa anh và chị Ph là hoàn toàn tự nguyện. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Ph nên với yêu cầu ly hôn của chị Ph, anh cũng đồng ý. Tuy nhiên, do anh đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên đề nghị Hội đồng xét xử chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ để xem xét giải quyết cho anh.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng Xuân D, sinh ngày 09/11/2016. Do anh đi làm giờ hành chính nên trong lúc anh đi làm thì mẹ anh (bà nội của cháu D) trông nom, chăm sóc cháu tại địa chỉ C4/413, chung cư An Bình, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, ban đêm thì cháu D được chị Ph đón về chăm sóc. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì hiện nay chỉ có anh mới có thể cho cháu D ăn được và thực tế kết thúc giờ làm hàng ngày thì anh về nhà cho con ăn, tắm rửa cho con, là mẹ nhưng chị Ph không chăm con tốt bằng anh. Mặt khác, mức thu nhập của chị Ph không đủ để nuôi con một cách tốt nhất như anh. Không yêu cầu chị Phụng cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Ph và anh L. Về con chung: Do cháu D chưa được 36 tháng tuổi nên đề nghị căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu D cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự:

Nguyên đơn chị Văn Mỹ Thị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Vĩnh L và giao con chung là cháu Đặng Xuân D, sinh ngày 09/11/2016 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định chị Ph là nguyên đơn, anh L là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo chứng cứ chị Ph cung cấp là đơn xác nhận địa chỉ cư trú (Bút lục 02), biên bản xác minh ngày 01/8/2018 của Tòa án (Bút lục 20) và sự thừa nhận của anh Đặng Vĩnh L tại phiên tòa, thể hiện anh Đặng Vĩnh L hiện đang sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Mỹ Ph tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2016 nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, tại phiên tòa chị Ph xác định không còn tình cảm với anh L, do chị và anh L đều không còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau, các bên có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên chị đề nghị được ly hôn với anh L. Đồng thời, tại phiên tòa anh L cũng thừa nhận anh và chị Ph không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, là vợ chồng nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng, chị Ph xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện ly hôn giữa chị Ph và anh L tại phiên tòa.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng Xuân D, sinh ngày 09/11/2016, ly hôn chị Ph đề nghị được trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của chị Ph là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, cháu D còn quá nhỏ, chưa được 36 tháng tuổi, cháu cần sự chăm sóc, quan tâm, chỉ dạy từ người mẹ nên Hội đồng xét xử xem xét giao cháu D cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết. Tạm thời, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các bên khai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Ph, anh L đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Văn Thị Mỹ Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 203, 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Văn Thị Mỹ Ph đối với bị đơn anh Đặng Vĩnh L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Văn Thị Mỹ Ph, sinh năm: 1993 và anh Đặng Vĩnh L, sinh năm: 1976.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Xuân D, sinh ngày 09/11/2016 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh L thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Văn Thị Mỹ Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Ph đã nộp theo biên lai thu số 006995 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.